

*Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa người yêu cầu:

- Anh **Đặng Đình N**, sinh năm 1983;

- Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1991;

Cùng HKTT và nơi ở: Số D T, phường N, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/4/2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Đặng Đình N** và chị **Bùi Thị T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Đặng Đình N và chị Bùi Thị T xác nhận có 03 con chung là cháu Đặng Hà V, sinh ngày 17/6/2017, cháu Đặng Hằng N1, sinh ngày 01/12/2020 và cháu Đặng Yến N2, sinh ngày 22/6/2025.

Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh N và chị T: Giao cháu Đặng Hà V, cháu Đặng Hằng N1 và cháu Đặng Yến N2 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh N. Anh N và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét.

Chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Anh Đặng Đình N và chị Bùi Thị T xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nơi ở: Anh Đặng Đình N và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- **Về các khoản vay nợ:** Anh Đặng Đình N và chị Bùi Thị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

**3. Về lệ phí Tòa án:** Anh Đặng Đình N tự nguyện chịu cả 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0009407 ngày 16/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - thành phố Hà Nội.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Sen**